

<NB> Dấu tích Người tối cổ đã được tìm thấy đầu tiên ở tỉnh nào của Việt Nam?

A. Nghệ An.

B. Thanh Hóa.

C. Cao Bằng.

D. Lạng Sơn.

<END>

<TH> Người tối cổ khác loài vượn cổ ở điểm nào?

A. Đã bỏ hết dấu tích vượn trên cơ thể mình. B. Đã biết chế tác công cụ lao động.

C. Biết chế tạo lao và cung tên.

D. Biết săn bắn, hái lượm.

<END>

<TH> Công cụ lao động của Người tối cổ ứng với thời kì nào?

A. Sơ kì đá cũ.

B. Sơ kì đá mới.

C. Sơ kì đá giữa.

D. Hậu kì đá mới.

<END>

<TH> Người tối cổ đã có phát minh lớn nào?

A. Biết giữ lửa trong tự nhiên.

B. Biết tạo ra lửa.

C. Biết chế tạo nhạc cụ.

D. Biết chế tạo trang sức.

<END>

<VDC> Người tối cổ tự cải biến mình, hoàn thiện mình từng bước nhờ

A. phát minh ra lửa.

B. chế tạo đồ đá.

C. lao động.

D. sự thay đổi của thiên nhiên.

<END>

<NB> Người tinh khôn xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

A. Khoảng 3 vạn năm cách ngày nay.

B. Khoảng 4 vạn năm cách ngày nay.

C. Khoảng 3 triệu năm cách ngày nay.

D. Khoảng 4 triệu năm cách ngày nay.

<END>

<TH> So với Người tối cổ, Người tinh khôn đã

A. loại bỏ hết dấu tích vượn trên người.

B. tiến hóa thành người nhưng vẫn còn một ít dấu tích vượn trên người.

C. biết chế tạo ra lửa để nấu chín thức ăn.

D. biết chế tạo công cụ lao động.

<END>

<TH> Để tăng nguồn thức ăn, Người tinh khôn đã *không* sử dụng biện pháp nào sau đây?

- A. Ghè đẽo đá thật sắc bén để giết thú vật. B. Chế tạo cung tên để săn bắn thú vật.
C. Tập hợp đông người đi vào rừng săn bắt. D. Tiến hành trồng trọt và chăn nuôi.

<END>

<VDC> Vì sao các nhà khảo cổ coi thời kì đá mới là một cuộc cách mạng?

- A. Con người đã biết sử dụng đá mới để làm công cụ.
B. Con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.
C. Con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.
D. Con người đã biết sử dụng kim loại.

<END>

<VDT> Sự khác nhau về màu da giữa các chủng tộc trên thế giới là biểu hiện sự khác nhau về

10

- A. trình độ văn minh. B. đẳng cấp xã hội.
C. trình độ kinh tế. D. đặc điểm sinh học.

<END>

<VDT> Trong sự thay đổi của Người tinh khôn so với Người tối cổ về mặt sinh học, sự thay đổi quan trọng nhất là về

- A. não bộ. B. dáng đứng.
C. da. D. bàn tay.

<END>

<TH> Thành tựu quan trọng nhất của Người nguyên thủy trong quá trình chế tạo công cụ và vũ khí là

- A. lưới đánh cá. B. làm đồ gốm.
B. cung tên. D. đá mài sắc, gọn.

<END>

<VDT> Tiên bộ quan trọng nhất trong đời sống của Người nguyên thủy là

- A. định cư. B. làm nhà ở.
C. biết nghệ thuật. D. mặc quần áo.

<END>

<NB> Kỹ thuật chế tác công cụ nào được sử dụng trong thời đá mới?

- A. Ghè đẽo thô sơ. B. Ghè sắc cạnh.
C. Ghè sắc, mài nhẵn, khoan lỗ, tra cán. D. Mài nhẵn hai mặt.

<END>

<NB> Tiên bộ lao động trong thời đá mới là

A. trồng trọt, chăn nuôi.

B. đánh cá.

C. làm đồ gốm.

D. chăn nuôi theo đàn.

<END>

<VDT> Biến đổi sinh học nào trên cơ thể người nguyên thủy làm xuất hiện các chủng tộc?

A. Thở tích hợp sọ tăng lên.

B. Lớp lông mao rụng đi.

C. Bàn tay trở nên khéo léo hơn.

D. Hình thành những ngôn ngữ khác nhau.

<END>

<NB> Phương thức sinh sống của Người tối cổ là

A. săn bắn, hái lượm.

B. săn bắt, hái lượm.

C. trồng trọt, chăn nuôi.

D. đánh bắt cá, làm gốm.

<END>

<NB> Người tối cổ tổ chức xã hội theo

A. thị tộc.

B. bộ lạc.

C. bầy đàn.

D. chiềng, chạ.

<END>

<NB> Thị tộc là

A. tập hợp những gia đình gồm hai đến ba thế hệ có chung dòng máu.

B. tập hợp những người sống chung trong hang động, mái đá.

C. tập hợp những người đàn bà cùng làm nghề hái lượm.

D. tập hợp những người đàn ông giữ vai trò quan trọng trong xã hội.

<END>

<NB> Bộ lạc là **20**

A. tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau, cùng nguồn gốc tổ tiên.

B. tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau, cùng hợp tác với nhau trong lao động.

C. tập hợp các gia đình cùng chung huyết thống.

D. tập hợp các gia đình cùng lao động trên một khu vực.

<END>

<NB> Cư dân ở đâu sử dụng công cụ bằng đồng thau sớm nhất?

A. Trung Quốc, Việt Nam.

B. Tây Á, Ai Cập.

C. In-đô-nê-xi-a.

D. Đông Phi, Bắc Á.

<END>

<NB> Cư dân ở đâu trên thế giới là những người đầu tiên biết đúc và dùng đồ sắt?

A. Tây Á và Nam Châu Âu.

B. Trung Quốc, Việt Nam.

C. Đông Phi và Bắc Á.

D. Đông Nam Á.

<END>

<TH> Kết quả lớn nhất của việc con người sử dụng công cụ bằng kim khí là

A. khai khẩn được đất hoang.

B. đưa năng suất lao động tăng lên.

C. sản xuất đủ nuôi sống xã hội.

D. tạo ra sản phẩm thừa làm biến đổi xã hội.

<END>

<NB> Trong buổi đầu thời đại kim khí, kim loại nào được sử dụng sớm nhất?

A. Sắt.

B. Đồng thau.

C. Đồng đỏ.

D. Thiếc.

<END>

<TH> Hệ quả nào sau đây *không phải* do sự xuất hiện sản phẩm dư thừa tạo ra?

A. Xuất hiện tư hữu.

B. Xuất hiện giai cấp.

C. Xuất hiện phân hóa giàu nghèo.

D. Xuất hiện thương mại, trao đổi hàng hóa.

<END>

<TH> Trong xã hội nguyên thủy, sản phẩm dư thừa của xã hội xuất hiện được giải quyết như thế nào?

A. Chia đều cho mọi người trong xã hội.

B. Vứt bỏ hết những sản phẩm dư thừa.

C. Dừng sản xuất để tiêu thụ hết sản phẩm thừa.

D. Những người có chức vị trong xã hội chiếm làm của riêng.

<END>

<TH> Sự xuất hiện tư hữu, gia đình phụ hệ thay thế cho gia đình mẫu hệ, xã hội phân hóa giàu – nghèo là những hệ quả của việc sử dụng

A. công cụ đá mới.

B. công cụ bằng kim loại.

C. công cụ bằng đồng.

D. công cụ bằng sắt.

<END>

<TH> Sự xuất hiện tư hữu làm biến đổi xã hội như thế nào?

A. Phân chia giàu nghèo.

B. Xuất hiện tính cạnh tranh trong kinh tế.

C. Người giàu có phung phí tài sản.

D. Chiến tranh giữa các thị tộc, bộ lạc.

<END>

<VDT> Xã hội có giai cấp thời kì đầu tiên là

A. thời kì nguyên thủy.

B. thời kì đá mới.

C. thời cổ đại.

D. thời kì kim khí.

<END>

<TH> Trong thị tộc, quan hệ giữa các thành viên trong lao động là **30**

A. phân công lao động luân phiên.

B. hợp tác lao động.

C. hưởng thụ bằng nhau.

D. lao động độc lập theo hộ gia đình.

<END>

<VDC> Ý nào sau đây *không phải* là nguyên nhân của sự hưởng thụ công bằng trong xã hội nguyên thủy?

A. Do của cải làm ra chỉ đủ ăn, chưa dư thừa.

B. Do công cụ lao động quá thô sơ.

C. Do sử dụng chung tư liệu sản xuất.

D. Do quan hệ huyết tộc.

<END>

<TH> Ý nào sau đây *không đúng* với nội dung xã hội thời nguyên thủy?

A. Bộ lạc là tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau, nhưng có họ hàng với nhau và cùng một huyết thống.

B. Sản phẩm thừa xuất hiện dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo, xuất hiện các giai cấp trong xã hội.

C. Lao động là động lực tiến hóa của xã hội loài người.

D. Tổ chức xã hội theo chế độ chuyên chế cổ đại.

<END>

<TH> Tổ chức xã hội của Người tinh khôn là

A. gia đình phụ hệ.

B. bộ lạc.

C. bầy người nguyên thủy.

D. thị tộc.

<END>

<VDT> Yếu tố tạo nên cuộc cách mạng trong sản xuất thời nguyên thủy là

A. chế tạo cung tên.

B. công cụ bằng kim khí.

C. làm đồ gốm.

D. trồng trọt, chăn nuôi.

<END>

<TH> Hệ quả xã hội đầu tiên của công cụ kim khí là

- A. xã hội có giai cấp ra đời.
- B. gia đình phụ hệ ra đời.
- C. tư hữu xuất hiện.
- D. thị tộc tan rã.

<END>

<NB> Trong buổi đầu của thời đại kim khí, kim loại con người lần lượt sử dụng để chế tác công cụ là

- A. đồng thau-đồng đỏ-sắt.
- B. đồng đỏ-đồng thau-sắt
- C. đồng đỏ-kẽm-sắt.
- D. kẽm-đồng đỏ-sắt.

<END>

<TH> Tính chất nổi bật của quan hệ trong thị tộc là

- A. phụ thuộc vào thiên nhiên.
- B. sống theo bầy đàn.
- C. tính cộng đồng cao.
- D. hưởng thụ bằng nhau.

<END>

<TH> Ý nào sau đây *không phải* là nguyên nhân lí giải tại sao thời kì đồ đá, Người tinh khôn sống theo chế độ thị tộc mẫu hệ?

- A. Do yếu tố tôn giáo nguyên thủy chi phối.
- B. Do quan hệ hôn nhân tạp hôn.
- C. Do vai trò to lớn của người phụ nữ.
- D. Do nền kinh tế nông nghiệp chưa ra đời.

<END>

<TH> Yếu tố nào sau đây *không* xuất hiện trong giai đoạn thị tộc phụ hệ?

- A. Kinh tế trồng trọt, chăn nuôi.
- B. Xã hội phân hóa giàu nghèo.
- C. Công cụ lao động kim khí.
- D. Xã hội phân chia giai cấp.

<END>

<TH> Trong xã hội nguyên thủy, sự bình đẳng được coi là “nguyên tắc vàng” vì 40

- A. Mọi người sống trong cộng đồng.
- B. Phải dựa vào nhau vì tình trạng đời sống còn quá thấp.
- C. Là cách duy nhất để duy trì cuộc sống.
- D. Đó là quy định của các thị tộc.

<END>

<TH> Nguyên nhân chính dẫn đến sự rạn vỡ của xã hội thị tộc, bộ lạc là

- A. Trong xã hội bắt đầu có sự phân công chức phận khác nhau giữa các thành viên.

B. Do cải tiến kĩ thuật và sự chuyên môn hóa trong sản xuất thường xuyên có của cải thừa.

C. Một số người lợi dụng chức phận để chiếm đoạt một phần sản phẩm xã hội đưa đến sự xuất hiện tư hữu, làm cho quan hệ cộng đồng bắt đầu bị phá vỡ.

D. Khả năng lao động của các gia đình khác nhau đã thúc đẩy sự phân hóa trong xã hội.

<END>

<NB> Hãy tìm hiểu và xác định những địa điểm tìm thấy dấu vết của người nguyên thủy đầu tiên ở Việt Nam.

A. Thảm Hai, Thảm Khuyên (Lạng Sơn), Núi Đọ (Thanh Hóa).

B. Núi Đọ, Hang Đẳng (Ninh Bình).

C. Núi Đọ, Xuân Lộc (Đồng Nai), Hòa Bình.

D. Núi Đọ, Sơn Vi (Phú Thọ), mái đá Ngườm (Thái Nguyên).

<END>

<NB> Khi xã hội nguyên thủy tan rã, người phương Đông thường quần tụ ở đâu để sinh sống?

A. Vùng rừng núi.

B. Vùng trung du.

C. Lưu vực các con sông lớn.

D. Vùng sa mạc.

<END>

<TH> Ngành sản xuất nào phát triển sớm nhất và giữ vị trí quan trọng nhất ở các quốc gia cổ đại phương Đông?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Thương nghiệp.

D. Giao thông vận tải.

<END>

<TH> Công việc nào đã khiến mọi người ở phương Đông có quan hệ gắn bó với nhau trong tổ chức công xã?

A. Trồng lúa nước.

B. Trị thủy.

C. Chăn nuôi.

D. Làm nghề thủ công.

<END>

<TH> Khu vực nào sau đây *không* gắn liền với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông đầu tiên?

A. Lưu vực sông Nin.

B. Lưu vực sông Hằng.

C. Lưu vực sông Ti-gơ-rơ.

D. Lưu vực sông Mê Kông

<END>

<NB> Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành trong khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng thiên niên kỉ IV-III TCN. B. Khoảng thiên niên kỉ III-II TCN.
C. Khoảng thiên niên kỉ IV TCN. D. Khoảng thiên niên kỉ II-I TCN.

<END>

<TH> Trong các quốc gia cổ đại phương Đông dưới đây, quốc gia nào được hình thành sớm nhất

- A. Ấn Độ. B. Trung Quốc.
C. Ai Cập, Lưỡng Hà. D. Ai Cập, Ấn Độ.

<END>

<TH> Ở Trung Quốc, vương triều nào được hình thành đầu tiên thời cổ đại?

- A. Nhà Chu. B. Nhà Tần.
C. Nhà Hán. D. Nhà Hạ.

<END>

<NB> Đứng đầu giai cấp thống trị ở các quốc gia cổ đại phương Đông là 50

- A. Vua chuyên chế. B. Tầng lớp tăng lữ.
C. Pha-ra-ông. D. Thiên tử.

<END>

<NB> Bộ phận đông đảo nhất trong xã hội cổ đại phương Đông là

- A. nông dân công xã. B. nô lệ.
C. quý tộc. D. tăng lữ.

<END>

<NB> Nhà nước phương Đông cổ đại là nhà nước

- A. chuyên chế. B. dân chủ chủ nô.
C. chuyên chế Trung ương tập quyền. D. quân chủ chuyên chế.

<END>

<NB> Bộ máy hành chính giúp việc cho vua ở các quốc gia cổ đại phương Đông gồm

- A. nông dân công xã và quý tộc. B. các tầng lớp trong xã hội.
C. quý tộc. D. tăng lữ.

<END>

<TH> Thành tựu văn hóa có ý nghĩa quan trọng nhất của cư dân cổ đại phương Đông là

- A. kiến trúc. B. lịch và thiên văn học.

C. toán học.

D. chữ viết.

<END>

<TH> Thời đại xã hội có giai cấp đầu tiên là

A. xã hội cổ đại.

B. xã hội trung đại.

C. xã hội cận đại.

D. xã hội công xã thị tộc.

<END>

<NB> Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân phương Đông cổ đại được đánh giá là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

A. Thành thị cổ Ha-rap-pa.

B. Kim tự tháp Ai Cập.

C. Quần thể kiến trúc Ăngkor.

D. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng.

<END>

<NB> Nguyên liệu nào sau đây *không* được cư dân phương Đông cổ đại dùng để viết chữ?

A. Giấy Pa-pi-rút.

B. Đất sét.

C. Mai rùa.

D. Vỏ cây.

<END>

<NB> Quá trình cải biến chữ viết của cư dân cổ đại phương Đông diễn ra lần lượt

A. chữ tượng hình, chữ tượng thanh, chữ tượng ý.

B. chữ tượng hình, chữ tượng ý, chữ tượng thanh.

C. chữ tượng ý, chữ tượng hình, chữ tượng thanh.

D. chữ tượng thanh, chữ tượng ý, chữ tượng hình.

<END>

<VDC> Yếu tố nào sau đây *không* tác động đến thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông?

A. Điều kiện tự nhiên.

B. Đặc điểm kinh tế.

C. Đặc điểm chính trị.

D. Đặc điểm chủng tộc.

<END>

<VDT> Do đâu cư dân phương Đông thời cổ đại sống quần tụ với nhau thành các liên minh công xã? **60**

A. Do nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi.

B. Do nhu cầu chống thú dữ.

C. Do nhu cầu xây dựng.

D. Do nhu cầu chống ngoại xâm

<END>

<NB> Vua Ai Cập cổ đại được gọi là

A. Pha-ra-ong.

B. Thiên hoàng.

C. Thiên tử.

D. Ham-mu-ra-bi.

<END>

<NB> Ngành khoa học ra đời sớm nhất gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp của các cư dân cổ đại phương Đông là

A. chữ viết.

B. toán học.

C. thiên văn học và lịch pháp.

D. chữ viết và lịch pháp.

<END>

<VDT> Trong lĩnh vực toán học thời cổ đại ở phương Đông, cư dân nước nào thành thạo về số học? Vì sao?

A. Trung Quốc - vì phải tính toán xây dựng các công trình kiến trúc.

B. Ai Cập - vì phải đo đạc lại ruộng đất hằng năm do phù sa bồi đắp.

C. Lưỡng Hà - vì phải đi buôn bán.

D. Ấn Độ - vì phải tính thuế.

<END>

<TH> Nhà nước Ai Cập cổ đại hình thành trên cơ sở

A. Liên kết các thị tộc.

B. Liên kết các bộ lạc.

C. Liên kết các công xã.

D. Liên kết, chinh phục tất cả các nô.

<END>

<NB> Các tầng lớp chính trong xã hội cổ đại phương Đông là

A. Quý tộc, quan lại, nông dân công xã.

B. Vua, quý tộc, nô lệ.

C. Chủ nô, nông dân tự do, nô lệ.

D. Quý tộc, nông dân công xã, nô lệ.

<END>

<TH> Tại sao gọi chế độ nhà nước ở phương Đông cổ đại là chế độ quân chủ chuyên chế cổ đại?

A. Xuất hiện sớm nhất, do nhà vua đứng đầu.

B. Đứng đầu nhà nước là vua, có quyền lực tối cao.

C. Xuất hiện sớm nhất, do vua chuyên chế đứng đầu, có quyền lực tối cao.

D. Nhà nước đầu tiên từ thời cổ đại.

<END>

<VDT> Nền sản xuất nông nghiệp ở phương Tây cổ đại không thể phát triển được như ở phương Đông cổ đại là vì

- A. Các quốc gia cổ đại phương Tây hình thành ở ven Địa Trung Hải.
- B.** Phần lớn lãnh thổ là núi và cao nguyên, đất đai khô rắn, rất khó canh tác.
- C. Khí hậu ở đây khắc nghiệt không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.
- D. Sản xuất nông nghiệp không đem lại nguồn lợi lớn bằng thủ công nghiệp và buôn bán.

<END>

<VDT> Ở vùng Địa Trung Hải loại công cụ quan trọng nhất, giúp sản xuất phát triển là gì?

- A. Công cụ bằng kim loại.
- B. Công cụ bằng đồng.
- C.** Công cụ bằng sắt.
- D. Thuyền buồm vượt biển.

<END>

<NB> Nhu cầu lương thực cho cư dân trong vùng dựa vào

- A.** Mua từ Ai Cập và Tây Á.
- B. Sản xuất tại chỗ.
- C. Mua từ Ấn Độ, Trung Quốc.
- D. Mua từ vùng Đông Âu.

<END>

<NB> Sản xuất nông nghiệp ở khu vực Địa Trung Hải chủ yếu là 70

- A. Trồng trọt lương thực, thực phẩm.
- B. Chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- C.** Trồng những cây lưu niên có giá trị cao như nho, ô lia, cam chanh, ...
- D. Trồng cây nguyên liệu phục vụ cho các xưởng sản xuất.

<END>

<VDT> Việc tìm thấy những đồng tiền cổ nhất thế giới của người Hi Lạp và Rôma cổ đại đã chứng tỏ điều gì và thời kì này?

- A. Nghề đúc tiền đã rất phát triển.
- B. Việc buôn bán trở thành ngành nghề chính.
- C.** Hoạt động thương mại và lưu thông tiền tệ rất phát đạt.
- D. Đô thị rất phát triển.

<END>

<NB> Các quốc gia cổ đại phương Tây thường được gọi là

- A.** Thị quốc.
- B. Tiểu quốc.
- C. Vương quốc.
- D. Bang.

<END>

<NB> Ý nào không phản ánh đúng nguyên nhân chỉ hình thành các thị quốc nhỏ ở vùng Địa Trung Hải?

- A. ở vùng ven bờ Bắc biển Địa Trung Hải có nhiều đồi núi chia cắt đất đai.
- B. không có điều kiện để tập trung dân cư.
- C. không có thị quốc đủ lớn mạnh để chinh phục được các thị quốc khác trong vùng.
- D. cư dân sống thiên về nghề buôn và nghề thủ công, không cần sự tập trung đông đúc.

<END>

<NB> Phần chủ yếu của một thị quốc là

- A. Một pháo đài cổ kiên cố, xung quanh là vùng dân cư.
- B. Thành thị với một vùng đất đai trồng trọt xung quanh,
- C. Các xưởng thủ công.
- D. Các lãnh địa.

<END>

<TH> Phần không thể thiếu đối với mỗi thành thị là

- A. Phố xá, nhà thờ.
- B. Sân vận động, nhà hát.
- C. Bến cảng.
- D. Vùng đất trồng trọt xung quanh.

<END>

<TH> Quyền lực trong xã hội cổ đại Địa Trung Hải thuộc về

- A. Quý tộc.
- B. Chủ nô, chủ xưởng, nhà buôn.
- C. Nhà vua.
- D. Đại hội công dân.

<END>

<TH> Lực lượng sản xuất chính trong xã hội cổ đại Địa Trung Hải là

- A. Chủ nô.
- B. Nô lệ.
- C. Người bình dân.
- D. Nông dân công xã.

<END>

<TH> Ý không phản ánh đúng đặc điểm điểm nô lệ trong xã hội cổ đại phương Tây là

- A. Giữ vai trò trọng yếu trong sản xuất.
- B. Phục vụ nhiều nhu cầu khác nhau của đời sống
- C. Hoàn toàn lệ thuộc vào người chủ mua mình.
- D. Chỉ có một quyền duy nhất – quyền được coi là con người.

<END>

<TH> Đặc điểm nổi bật của các nhà nước cổ đại phương Tây là gì?

- A.** Là đô thị buôn bán, làm nghề thủ công và sinh hoạt dân chủ.
- B.** Là đô thị với các phường hội thủ công rất phát triển.
- C.** Là đô thị đồng thời cũng là trung tâm buôn bán sầm uất.
- D.** Là đô thị rất giàu có mà không một nước phương Đông nào có thể sánh.

<END>

<TH> Ý không phản ánh đúng nội dung dân chủ của các thị quốc cổ đại là **80**

- A.** Người ta không chấp nhận có vua chuyên chế.
- B.** Hội đồng 500 có vai trò như quốc hội, bầu ra 10 viên chức điều hành như chính phủ.
- C.** Đại hội công dân bầu ra các cơ quan nhà nước quyết định mọi công việc.
- D.** Mọi công dân nam từ 21 tuổi trở lên đều tham gia Đại hội công dân.

<END>

<NB> Bản chất nền dân chủ cổ đại phương Tây là

- A.** Dân chủ chủ nô.
- B.** Dân chủ tư sản.
- C.** Dân chủ nhân dân.
- D.** Dân chủ quý tộc.

<END>

<VDT> Nền văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rôma hình thành và phát triển không dựa trên cơ sở nào sau đây?

- A.** Nghề nông trồng lúa tương đối phát triển.
- B.** Nền sản xuất thủ công nghiệp phát triển cao.
- C.** Hoạt động thương mại rất phát đạt.
- D.** Thể chế dân chủ tiến bộ.

<END>

<NB> Người Hi Lạp đã có hiểu biết về Trái Đất và hệ Mặt Trời như thế nào?

- A.** Trái Đất có hình đĩa dẹt.
- B.** Trái Đất có hình quả cầu tròn và Mặt Trời chuyển động quanh Trái Đất.
- C.** Trái Đất có hình quả cầu tròn.
- D.** Trái Đất có hình đĩa dẹt và Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

<END>

<NB> Người Rôma đã tính được một năm có bao nhiêu ngày và bao nhiêu tháng

- A.** Có 360 ngày và 11 tháng.
- B.** Có 365 ngày và 12 tháng.
- C.** Có 365 ngày và $\frac{1}{4}$ ngày, với 12 tháng.

D. Có 366 ngày và 12 tháng.

<END>

<NB> Hệ chữ cái A, B, C và hệ chữ số La Mã (I, II, III, ...) là thành tựu của cư dân cổ

A. Ấn Độ.

B. Hi Lạp.

C. Ba Tư.

D. Hi Lạp – Rôma.

<END>

<VDT> Hệ thống chữ cái Tiếng Việt (chữ Quốc ngữ) mà chúng ta đang sử dụng hiện nay thuộc

A. Chữ tượng hình.

B. Chữ tượng ý.

C. Hệ chữ cái A, B, C.

D. Chữ Việt cổ.

<END>

<NB> Các nhà toán học nước nào đã đưa ra những định lí, định đề đầu tiên có giá trị khái quát cao?

A. Rôma.

B. Hi Lạp.

C. Trung Quốc.

D. Ấn Độ.

<END>

<TH> Nhận xét nào không đúng về giá trị các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Hi Lạp, Rôma thời cổ đại?

A. Những hiểu biết đó là sự kế thừa và phát triển các thành tựu văn hóa của người phương Đông cổ đại.

B. Đây là những công trình khoa học lớn, còn có giá trị tới ngày nay.

C. Các công trình không dừng lại ở việc ghi chép và giá trị mà nâng lên tầm khái quát hóa, trừu tượng hóa cao.

D. Tạo nền tảng cho các phát minh kinh tế thời cổ đại.

<END>

<TH> Những thành tựu về mặt khoa học của người phương Tây cổ đại có sự phát triển hơn so với người phương Đông cổ đại ra sao?

A. Đó là những hiểu biết về khoa học thực sự có giá trị.

B. Đã ghi chép giải được các bài toán riêng biệt.

C. Thực sự trở thành khoa học với những định lí, định đề có giá trị khái quát cao.

D. Có tính ứng dụng vào thực tế cao hơn.

<END>

<TH> Một số định lí của nhà toán học nào từ thời cổ đại vẫn còn rất phổ biến đến ngày nay?

A. Talet, Pitago, Ôclit.

B. Pitago.

C. Talet, Hôme.

D. Hôme.

<END>

<NB> Những công trình kiến trúc của quốc gia cổ đại nào đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật nhưng vẫn rất gần gũi với cuộc sống?

A. Các đền thờ ở Hi Lạp.

B. Đền đài, đấu trường ở Rôma.

C. Các kim tự tháp ở Ai Cập.

D. Các thành quách ở Trung Quốc.

<END>